



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Nha Trang theo Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 17 tháng 07 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200444916 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 3 ngày 26 tháng 5 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 ngày 6 tháng 5 năm 2016 về việc thay đổi trụ sở chính của Công ty.
- Giấy xác nhận số 1646/17 ngày 16/01/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (cụ thể bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật.
- Giấy xác nhận số 34565/17 ngày 27/09/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (cụ thể bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh).

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại : (0258) 3523 863
- Fax : (0258) 3523 863

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;

AA981
CHI NH
NG TY
TOÁN V
A &
I NHAT
ANG - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng. Vận tải hàng hoá bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /Ngày tái bổ nhiệm/Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Hồ Ngọc Ân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Võ Tường Trọng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Thành Tây	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Văn Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Thị Kim Chi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Ngọc Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Văn Khánh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Ngô Văn Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /Ngày tái bổ nhiệm/Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Phú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Bà Tạ Thị Trung Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Lương Hải Thiện	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /Ngày tái bổ nhiệm/Ngày miễn nhiệm
Ông Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Thành Tây	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Lương Hải Thiện	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Ngọc Ân – Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

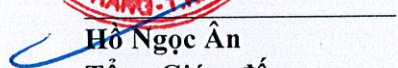
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 




Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 3 năm 2021



Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 3.0057/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

Trần Thị Cẩm Vân - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3215-2020-008-1

Nha Trang, ngày 18 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.523.585.574	79.680.725.557
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55.792.218.278	47.326.223.352
1. Tiền	111		31.792.218.278	47.326.223.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.452.888.850	30.131.012.773
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	18.844.556.569	30.086.049.503
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	335.074.700	158.520.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	474.638.781	419.791.810
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(201.381.200)	(533.349.240)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.006.558.184	1.181.952.158
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.006.558.184	1.181.952.158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.271.920.262	1.041.537.274
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	155.578.857	65.139.101
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.116.341.405	976.398.173
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.157.361.999	42.200.155.265
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.325.420.009	39.415.457.162
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	36.267.726.454	39.350.763.611
- Nguyên giá	222		121.885.553.930	115.497.421.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.617.827.476)	(76.146.658.139)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	57.693.555	64.693.551
- Nguyên giá	228		70.000.000	70.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.306.445)	(5.306.449)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.831.941.990	2.784.698.103
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.831.941.990	2.784.698.103
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		116.680.947.573	121.880.880.822

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		46.648.285.260	52.290.065.321
I. Nợ ngắn hạn	310		35.728.200.088	41.056.585.425
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.697.385.828	2.351.030.808
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	123.726.000	108.300.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.090.924.916	3.046.380.840
4. Phải trả người lao động	314	V.14	25.688.881.001	30.173.079.173
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.980.431.369	2.563.328.278
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a,c	2.336.695.850	2.473.205.702
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,c	313.394.724	313.394.724
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	496.760.400	27.865.900
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.920.085.172	11.233.479.896
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b,c	9.039.716.829	9.039.716.829
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b,c	1.880.368.343	2.193.763.067
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

5-001-C
ẢNH
TNHH
à TƯ VẤN
C
ANG
KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.032.662.313	69.590.815.501
I. Vốn chủ sở hữu	410		70.032.662.313	69.590.815.501
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	3.764.156.000	3.146.281.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	6.268.506.313	6.444.534.501
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		219.333.501	6.444.534.501
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.049.172.812	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	V.20	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		116.680.947.573	121.880.880.822



Nha Trang, ngày 13 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

Lương Hải Thiện
Kế toán trưởng

Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

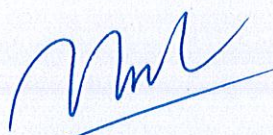
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

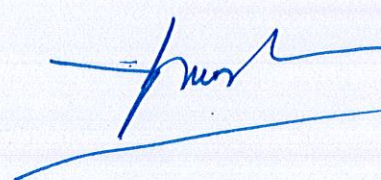
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	195.690.865.036	205.413.482.961
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	710.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		195.690.865.036	205.412.772.961
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	179.767.104.426	189.125.225.886
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.923.760.610	16.287.547.075
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.022.971.657	523.953.449
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	156.739.147	205.360.422
Trong đó: chi phí lãi vay	23		156.739.147	205.360.422
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.784.943.470	8.711.655.629
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.005.049.650	7.894.484.473
11. Thu nhập khác	31	VI.6	79.894.196	40.474.552
12. Chi phí khác	32	VI.7	7.397.090	94.730.419
13. Lợi nhuận khác	40		72.497.106	(54.255.867)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.077.546.756	7.840.228.606
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.028.373.944	1.661.474.544
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6.049.172.812</u>	<u>6.178.754.062</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>786</u>	<u>803</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>786</u>	<u>803</u>



Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập



Lương Hải Thiện
Kế toán trưởng



Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

Nha Trang, ngày 18 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.077.546.756	7.840.228.606
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	9.478.169.333	9.484.178.841
- Các khoản dự phòng	03		(331.968.040)	92.159.640
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.022.971.657)	(523.953.449)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	156.739.147	205.360.422
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.357.515.539	17.097.974.060
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.142.031.750	(4.211.492.072)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	175.393.974	4.369.544.418
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.403.000.077)	(2.880.276.208)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7	(137.683.643)	380.943.485
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15, VI.4	(162.944.363)	(211.565.638)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.650.000.000)	(1.648.420.705)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18,19	1.093.148.000	1.073.697.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18,19	(1.983.579.500)	(3.345.228.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.430.881.680	10.625.176.040
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(6.388.132.180)	(7.702.973.272)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4,VI.4	984.640.150	636.424.832
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.403.492.030)	(7.066.548.440)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(313.394.724)	(313.394.724)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(4.248.000.000)	(5.334.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.561.394.724)	(5.647.394.724)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.465.994.926	(2.088.767.124)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		47.326.223.352	49.414.990.476
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		55.792.218.278	47.326.223.352

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập

Lương Hải Thiện
Kế toán trưởng



Nha Trang, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Nha Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Quản lý nghĩa trang. Dịch vụ mai táng. Dịch vụ địa táng. Dịch vụ hỏa táng, điện táng;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng. Vận tải hàng hoá bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc không hình thành bộ máy kế toán

- Phòng Tổ chức Hành chính
- Phòng Kế toán tài vụ
- Phòng Kế hoạch – Đầu Tư
 - + Tổ Đăng ký mai táng – Hoả táng
 - + Tổ Hoả táng
- Xí nghiệp Môi trường:
 - + Đội Môi trường 1
 - + Đội Môi trường 2
 - + Đội Môi trường 3
 - + Đội Môi trường 4
 - + Đội Xe
 - + Đội Thu phí
- Đội Cây xanh
- Đội Bảo vệ
- Đội Dịch vụ
- Đội Cơ khí
- Đội Kiểm tra chất lượng an toàn vệ sinh người lao động – Tổ thu phí đỗ xe dưới lòng đường
- Đội Vận hành bãi chôn lấp Lương Hoà
- Đội Điện

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 934 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 921 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng 10 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	329.550.162	161.567.490
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.462.668.116	47.164.655.862
Các khoản tương đương tiền	24.000.000.000	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>24.000.000.000</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>55.792.218.278</u>	<u>47.326.223.352</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý Dịch vụ công ích Thành phố Nha Trang	18.281.757.571	28.292.923.503
Các khách hàng khác	562.798.998	1.793.126.000
Cộng	<u>18.844.556.569</u>	<u>30.086.049.503</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn T27	91.233.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xây dựng Thành Lợi	72.884.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Khánh Ngọc	55.123.200	55.123.200
Các nhà cung cấp khác	<u>115.834.500</u>	<u>88.397.500</u>
Cộng	<u>335.074.700</u>	<u>158.520.700</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	370.099.000	-	355.909.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	11.000.000	-	11.000.000	-
Thuế GTGT tạm thời chưa được khấu trừ	55.208.274	-	52.882.810	-
Lãi dự thu	38.331.507	-	-	-
Cộng	<u>474.638.781</u>	<u>-</u>	<u>419.791.810</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 505 - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	146.258.000	-	Trên 3 năm	146.258.000	-
Công ty Cổ phần Khánh Ngọc - Trả trước cho người bán	Trên 3 năm	55.123.200	-	Trên 3 năm	55.123.200	16.536.960
Công ty TNHH Xây dựng Quyết Tiến - Phải thu tiền bán hàng		-	-	Từ 2 đến dưới 3 năm	270.450.000	-
Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Nha Trang - Phải thu tiền bồi thường		-	-	Từ 2 đến dưới 3 năm	156.110.000	78.055.000
Cộng		201.381.200	-		627.941.200	94.591.960

Tình hình trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	533.349.240	441.189.600
Trích lập dự phòng bổ sung	16.536.960	92.159.640
Hoàn nhập dự phòng	(348.505.000)	-
Số cuối năm	201.381.200	533.349.240

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	563.031.515	-	598.396.311	-
Công cụ, dụng cụ	274.406.886	-	435.496.164	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	91.997.783	-	98.298.954	-
Thành phẩm	-	-	1.936.729	-
Hàng hóa	77.122.000	-	47.824.000	-
Cộng	1.006.558.184	-	1.181.952.158	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	134.091.667	52.478.336
Chi phí bảo hiểm	21.487.190	12.660.765
Cộng	155.578.857	65.139.101

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.230.519.782	1.595.698.572
Chi phí sửa chữa	1.601.422.208	1.188.999.531
Cộng	2.831.941.990	2.784.698.103

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	24.621.369.987	9.018.073.816	81.770.977.947	87.000.000	115.497.421.750
Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	360.200.000	6.027.932.180	-	6.388.132.180
Số cuối năm	24.621.369.987	9.378.273.816	87.798.910.127	87.000.000	121.885.553.930
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	5.695.085.893	62.400.000	36.906.403.463	87.000.000	42.750.889.356
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	16.099.201.328	3.166.696.415	56.793.760.396	87.000.000	76.146.658.139
Khấu hao trong năm	1.660.902.481	1.269.600.749	6.540.666.107	-	9.471.169.337
Số cuối năm	17.760.103.809	4.436.297.164	63.334.426.503	87.000.000	85.617.827.476
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.522.168.659	5.851.377.401	24.977.217.551	-	39.350.763.611
Số cuối năm	6.861.266.178	4.941.976.652	24.464.483.624	-	36.267.726.454
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải (đã khấu hao hết) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận (xem thuyết minh số V.17b).

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	70.000.000	5.306.449	64.693.551
Khấu hao trong năm	-	6.999.996	-
Số cuối năm	70.000.000	12.306.445	57.693.555

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	6.388.132.180	(6.388.132.180)	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	261.663.636	-	(261.663.636)	-
Cộng	-	6.649.795.816	(6.388.132.180)	(261.663.636)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyễn Quốc Hưng - Cửa hàng Toàn Điện	289.044.800	647.547.000
Bà Lê Thị Thùy Linh	189.365.000	289.790.000
Công ty TNHH Sao Mai Anh	182.550.000	194.490.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hưng Phú Hải	180.650.000	41.537.100
Các nhà cung cấp khác	855.776.028	1.177.666.708
Cộng	1.697.385.828	2.351.030.808

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm Phát triển Quỹ đất	79.500.000	79.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thương mại và Truyền thông Bắc Hà	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Quốc tế Nam Việt Galaxy	-	28.800.000
Các khách hàng khác	14.226.000	-
Cộng	123.726.000	108.300.000

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>			<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Thuế được hoàn</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.578.908.296	-	10.600.945.010	(11.161.972.390)	-	2.017.880.916	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	388.074.544	-	1.028.373.944	(1.650.000.000)	-	-	233.551.512
Thuế thu nhập cá nhân	-	976.398.173	259.097.457	(1.148.484.688)	982.995.511	-	882.789.893
Tiền thuế đất	-	-	2.109.761.100	(2.109.761.100)	-	-	-
Thuế sử dụng đất	-	-	4.087.378	(4.087.378)	-	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-	-
Các loại thuế khác	79.398.000	-	769.545.000	(775.899.000)	-	73.044.000	-
Cộng	3.046.380.840	976.398.173	14.775.809.889	(16.854.204.556)	982.995.511	2.090.924.916	1.116.341.405

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Duy trì vườn cây, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng, dịch vụ tang lễ Không chịu thuế
- Cây cảnh 5%
- Chậu cảnh, xây mộ, dịch vụ công cộng về vệ sinh, thi công xây dựng công trình... 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác do có tổng doanh thu không quá 200 tỷ đồng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.077.546.756	7.840.228.606
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	267.981.421	467.144.112
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	7.345.528.177	8.307.372.718
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.469.105.635	1.661.474.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%	(440.731.691)	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.028.373.944	1.661.474.544

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích (m²)</u>	<u>Mức tiền thuê (VND/m²)</u>
Bãi chôn lấp rác thải Lương Hòa, nhà hỏa táng thôn Lương Hòa, xã Vĩnh Lương	15.216,7	20.160
Bãi để xe, văn phòng Đội Xây dựng Hòn Rớ 1, xã Phước Đồng	1.673,3	6.758
Vườn hoa Vĩnh Diềm Thượng, xã Vĩnh Hiệp	7.508,0	8.748
Số 217 đường 2/4, phường Vạn Thạnh	73,2	405.000
Số 203/2a đường 2/4, phường Vạn Thạnh	364,5	30.240
172 Lê Hồng Phong, phường Phước Hải	672,7	117.000
84 Hùng Vương, phường Lộc thọ	812,1	648.000
Vườn hoa Vĩnh Trung	11.945,0	7.290
Bãi để xe Vĩnh Lương	9.553,7	2.130
180 Ngô Gia Tự - Phước Tiến	110,9	360.000
Bãi thải xã Vĩnh Lương	3.925,1	2.430

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất trong năm nay bao gồm tiền thuê đất bị truy thu từ năm 2015 đến năm 2019 theo Thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Số cuối năm là quỹ lương còn phải trả cho người lao động và người quản lý.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê ngoài xây nghĩa trang	466.298.910	419.251.363
Chi phí tiền ăn ca phải trả	455.160.000	449.610.000
Chi phí bồi dưỡng hiện vật	196.833.852	192.134.253
Chi phí vật tư phụ tùng sửa chữa xe ô tô	22.870.000	202.952.273
Chi phí lãi vay	43.436.508	49.641.724
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.795.832.099	1.249.738.665
Cộng	<u>2.980.431.369</u>	<u>2.563.328.278</u>

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	159.905.660	156.907.238
Ban Quản lý dự án về dự án cải thiện vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang – phải trả về bàn giao 5 xe ép rác	1.094.374.205	1.094.374.205
Thuế TNCN phải trả lại người lao động	891.189.312	982.995.511
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	191.226.673	238.928.748
Cộng	<u>2.336.695.850</u>	<u>2.473.205.702</u>

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>3.088.233.914</u>	<u>3.088.233.914</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	3.088.233.914	3.088.233.914
- Nhận bàn giao 1 xe đào và 1 xe đầm nén	1.591.753.248	1.591.753.248
- Nhận bàn giao 5 xe ép rác	1.027.430.489	1.027.430.489
- Nhận bàn giao 500 thùng đựng rác	469.050.177	469.050.177
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	<u>5.951.482.915</u>	<u>5.951.482.915</u>
Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang - Nhận bàn giao Công nghệ mới lò hòa táng	5.951.482.915	5.951.482.915
Cộng	<u>9.039.716.829</u>	<u>9.039.716.829</u>

16c. Nợ phải trả quá hạn

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	313.394.724	313.394.724
Cộng	313.394.724	313.394.724

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	313.394.724	313.394.724
Số tiền vay trong năm	-	6.000.000.000
Số tiền vay trả trong năm	(313.394.724)	(6.313.394.724)
Kết chuyển từ vay dài hạn	313.394.724	313.394.724
Số cuối năm	313.394.724	313.394.724

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận	1.880.368.343	2.193.763.067
Cộng	1.880.368.343	2.193.763.067

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Khánh Hòa – Ninh Thuận theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ tài chính và Công ty ngày 10/10/2011 để đầu tư cho dự án "Vệ sinh môi trường thành phố Nha Trang", thời hạn vay 20 năm, lãi suất 6,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	313.394.724	313.394.724
Trên 1 năm đến 5 năm	1.253.578.896	1.253.578.896
Trên 5 năm	626.789.447	940.184.171
Cộng	2.193.763.067	2.507.157.791

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.193.763.067	2.507.157.791
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(313.394.724)	(313.394.724)
Số cuối năm	1.880.368.343	2.193.763.067

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Ngân sách thưởng	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	32.944.000	926.813.000	576.814.000	2.000.000	(1.168.565.000)	370.006.000
Quỹ phúc lợi	6.421.900	308.938.000	-	200.000	(183.805.500)	131.754.400
Quỹ thưởng Ban điều hành	(11.500.000)	123.575.000	-	500.000	(117.575.000)	(5.000.000)
Cộng	27.865.900	1.359.326.000	576.814.000	2.700.000	(1.469.945.500)	496.760.400

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	2.361.074.000	8.112.443.439	70.473.517.439
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2018	-	785.207.000	(785.207.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2018	-	-	(1.727.456.000)	(1.727.456.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018	-	-	(5.334.000.000)	(5.334.000.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	6.178.754.062	6.178.754.062
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	3.146.281.000	6.444.534.501	69.590.815.501
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	3.146.281.000	6.444.534.501	69.590.815.501
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2019	-	617.875.000	(617.875.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2019	-	-	(1.359.326.000)	(1.359.326.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019	-	-	(4.248.000.000)	(4.248.000.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	6.049.172.812	6.049.172.812
Số dư cuối năm nay	60.000.000.000	3.764.156.000	6.268.506.313	70.032.662.313

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 VND, chi tiết vốn góp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	37.010.000.000	37.010.000.000
DNTN Thương mại và Du lịch Trường Nhân	15.113.000.000	15.113.000.000
Các cổ đông khác	7.877.000.000	7.877.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10% lợi nhuận sau thuế)	: 617.875.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành (22% lợi nhuận sau thuế)	: 1.359.326.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 4.248.000.000

20. Nguồn kinh phí

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	(2.428.000)
Nguồn kinh phí được cấp	513.634.000	517.238.000
Chi sự nghiệp	(513.634.000)	(514.810.000)
Số cuối năm	-	-

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ

Tài sản nhận giữ hộ của Công ty là tài sản cố định phục vụ công cộng bao gồm: hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản giữ hộ có nguyên giá là 281.684.964.184 VND, giá trị còn lại 36.747.155.973 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu vệ sinh môi trường (bao gồm Phước Long + Vĩnh Hiệp)	105.921.461.736	109.420.957.333
Doanh thu duy trì chăm sóc cây xanh	23.532.387.592	22.108.734.000
Doanh thu quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng	18.675.221.754	19.463.454.511
Doanh thu duy trì điện chiếu sáng công cộng	15.992.888.610	21.196.177.000
Doanh thu bãi chôn lấp rác Lương Hòa	11.973.270.150	13.880.104.658
Doanh thu thu phí đỗ xe ô tô dưới lòng đường	940.555.000	1.117.699.000
Doanh thu xử lý nước rỉ rác Lương Hoà	2.773.494.416	1.372.132.541
Doanh thu bảo vệ bờ biển, nhà vệ sinh ngầm	3.047.272.728	2.752.727.273
Doanh thu vệ sinh môi trường (tự quản)	4.946.383.522	4.875.802.563
Doanh thu kinh doanh dịch vụ khác	7.887.929.528	9.225.694.082
Cộng	<u>195.690.865.036</u>	<u>205.413.482.961</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vệ sinh môi trường (bao gồm Phước Long + Vĩnh Hiệp)	96.267.289.186	101.284.170.961
Giá vốn duy trì chăm sóc cây xanh	22.100.136.617	20.828.350.909
Giá vốn quản lý nghĩa trang, dịch vụ mai táng	14.798.493.648	14.916.955.406
Giá vốn duy trì điện chiếu sáng công cộng	14.199.176.033	19.506.545.252
Giá vốn bãi chôn lấp rác Lương Hòa	12.529.887.331	13.211.934.170
Giá vốn thu phí đỗ xe ô tô dưới lòng đường	1.679.914.683	1.670.067.836
Giá vốn xử lý nước rỉ rác Lương Hoà	3.943.176.009	2.901.610.998
Giá vốn bảo vệ bờ biển, nhà vệ sinh ngầm	2.868.392.881	2.782.328.154
Giá vốn vệ sinh môi trường (tự quản)	4.425.630.387	4.445.938.454
Giá vốn kinh doanh dịch vụ khác	6.955.007.651	7.577.323.746
Cộng	<u>179.767.104.426</u>	<u>189.125.225.886</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong năm.

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.080.563.626	4.778.334.002
Chi phí vật liệu quản lý	89.677.346	121.679.327
Chi phí đồ dùng văn phòng	117.123.063	67.180.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	835.124.316	457.305.326
Thuế, phí và lệ phí	1.382.410.378	81.745.981
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(331.968.040)	92.159.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.803.116.331	2.220.864.974
Các chi phí khác	808.896.450	892.385.573
Cộng	<u>9.784.943.470</u>	<u>8.711.655.629</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý công cụ, dụng cụ	2.350.909	-
Thu nhập khác	77.543.287	40.474.552
Cộng	<u>79.894.196</u>	<u>40.474.552</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản bị phạt, bị truy thu	-	92.072.673
Các khoản chi phí khác	7.397.090	2.657.746
Cộng	<u>7.397.090</u>	<u>94.730.419</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.049.172.812	6.178.754.062
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành ⁽ⁱ⁾	<u>(1.330.818.000)</u>	<u>(1.359.326.000)</u>
Lợi nhuận tính lãi trên cổ phiếu	4.718.354.812	4.819.428.062
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>6.000.000</u>	<u>6.000.000</u>
Lãi trên cổ phiếu	<u>786</u>	<u>803</u>

8b. Thông tin khác

⁽ⁱ⁾ Khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thưởng Ban điều hành năm nay được dự tính theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 02 tháng 6 năm 2020 thông qua. Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 20% và quỹ thưởng Ban điều hành là 2% lợi nhuận sau thuế năm 2020.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.917.680.063	35.437.023.175
Chi phí nhân công	114.033.273.105	117.645.564.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.478.169.333	9.484.178.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.156.112.095	22.839.970.382
Chi phí khác	<u>11.958.575.400</u>	<u>8.372.458.389</u>
Cộng	<u>189.543.809.996</u>	<u>193.779.195.587</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong năm nay như sau:

Thù lao Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/ ngày tái bổ nhiệm/ Ngày miễn nhiệm	Thù lao (VND)
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02/06/2020	55.000.000
Ông Hồ Ngọc Ân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02/06/2020	48.000.000
Ông Nguyễn Thành Tây	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/06/2020	53.000.000
Ông Trần Văn Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/06/2020	28.000.000
Bà Trần Thị Kim Chi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/06/2020	28.000.000
Ông Võ Trường Trọng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02/06/2020	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/06/2020	28.000.000
Ông Phan Ngọc Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/06/2020	20.000.000
Ông Bùi Văn Khánh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/06/2020	20.000.000
Ông Ngô Văn Đùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/06/2020	20.000.000
Cộng			348.000.000

Thù lao Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/ ngày tái bổ nhiệm/ Ngày miễn nhiệm	Thù lao (VND)
Ông Nguyễn Thành Phú	Trưởng Ban	Tái bổ nhiệm ngày 02/06/2020	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/06/2020	21.000.000
Bà Tạ Thị Trung Trinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/06/2020	21.000.000
Ông Lương Hải Thiện	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/06/2020	15.000.000
Ông Nguyễn Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/06/2020	15.000.000
Cộng			120.000.000

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác:

Họ và tên	Chức danh	Tiền lương (VND)
Ông Nguyễn Hùng Thanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	341.258.000
Ông Hồ Ngọc Ân	Tổng Giám đốc	390.221.000
Ông Nguyễn Thành Tây	Phó Tổng Giám Đốc	339.932.283
Ông Lương Hải Thiện	Kế toán trưởng	187.768.665
Cộng		1.259.179.948

Thu nhập của các thành viên ban điều hành trong năm trước bao gồm có lương, thưởng là 1.328.412.300VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ NHA TRANG

Địa chỉ: 84 Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Cổ đông nắm giữ 61,68% vốn điều lệ.
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân	Cổ đông nắm giữ 25,19% vốn điều lệ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa		
Công ty chi trả cổ tức	2.620.308.000	3.292.846.745
Các khoản kinh phí hỗ trợ và khen thưởng	576.814.000	556.459.000
DNTN Thương mại và Du lịch Tường Nhân		
Công ty chi trả cổ tức	1.070.000.400	1.343.545.700

Công nợ với các bên liên quan khác

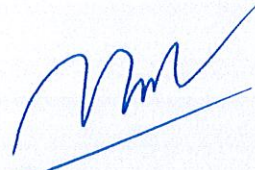
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.16a và V.16b.

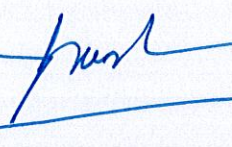
2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

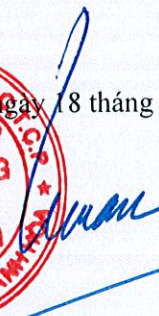
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Người lập biểu


Lương Hải Thiện
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 18 tháng 3 năm 2021




Hồ Ngọc Ân
Tổng Giám đốc